

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 6388:2018

CXS 70-1981, REV.1995 WITH AMENDMENT 2018

Xuất bản lần 3

CÁ NGŨ ĐÓNG HỘP

Canned tuna and bonito

HÀ NỘI - 2018

Lời nói đầu

TCVN 6388:2018 thay thế TCVN 6388:2006,

TCVN 6388:2018 hoàn toàn tương đương với CXS 70-1981, soát xét 1995, sửa đổi bổ sung 2018;

TCVN 6388:2018 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/F11 *Thủy sản và sản phẩm thủy sản* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Cá ngừ đóng hộp

Canned tuna and bonito

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho cá ngừ đóng hộp.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các trường hợp cụ thể khi khối lượng cá nhỏ hơn 50 % khối lượng chứa trong hộp.

2 Mô tả

2.1 Định nghĩa sản phẩm

Cá ngừ đóng hộp (canned tuna and bonito)

Sản phẩm chế biến từ thịt cá tươi của các loài cá liệt kê dưới đây, đựng trong hộp ghép mí kín.

– <i>Thunnus alalunga</i>	cá ngừ vây dài
– <i>Thunnus albacares</i>	cá ngừ vây vàng
– <i>Thunnus atlanticus</i>	cá ngừ vây đen
– <i>Thunnus obesus</i>	cá ngừ mắt to
– <i>Thunnus maccoyii</i>	cá ngừ vây xanh phương nam
– <i>Thunnus thynnus</i>	cá ngừ vây xanh phương bắc
– <i>Thunnus tonggol</i>	cá ngừ đuôi dài
– <i>Euthynnus affinis</i>	cá ngừ chấm
– <i>Euthynnus alletteratus</i>	cá ngừ nhỏ
– <i>Euthynnus lineatus</i>	cá ngừ sọc đen
– <i>Katsuwonus pelamis</i> (syn. <i>Euthynnus pelamis</i>)	cá ngừ vằn
– <i>Sarda chiliensis</i>	cá ngừ đồng Thái Bình Dương
– <i>Sarda orientalis</i>	cá ngừ sọc dưa
– <i>Sarda sarda</i>	cá ngừ Đại Tây Dương